TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Hoàng Thị Vân.
2- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái -Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 670/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thanh Ng, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: C4/129/1A ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố H.

2. *Bị đơn*: Ông Trịnh Văn Nh, sinh năm: 1990;
Địa chỉ: C4/129/1A ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh Ng trình bày:

Bà và ông Trịnh Văn Nh chung sống với nhau vào năm 2014 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H vào ngày 24/12/2014. Thời gian đầu bà và ông Nh chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột cãi vã trong cách chăm sóc, giáo dục con. Ông Nh hay

chửi thề, đánh con, đánh vợ, không chia sẻ trong việc chăm sóc con và phụ giúp công việc gia đình với bà. Mặc dù bà đã cho ông Nh nhiều cơ hội nhưng ông Nh vẫn không thay đổi. Nay bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nh để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có một trẻ tên Trịnh Lê Nhất A (Giới tính: Nam, sinh ngày 05/4/2018). Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ A, yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, bà và ông Nh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trịnh Văn Nh trình bày:

Ông và bà Lê Thị Thanh Ng chung sống với nhau do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H. Quá trình chung sống, ông và bà Ng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống trong cách cư xử với gia đình hai bên cũng như chăm sóc, nuôi dạy con. Ông thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Ông xác định vẫn còn thương vợ, muốn gia đình được đoàn tụ và không muốn ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà Ng có một con chung tên Trịnh Lê Nhất A (Giới tính: Nam, sinh ngày 05/4/2018). Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý giao trẻ Nhất A cho bà Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, ông và bà Ng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau:

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thanh Ng.

Về con chung: Giao trẻ Trịnh Lê Nhất A (sinh ngày 05/4/2018) cho bà Lê Thị Thanh Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trịnh Văn Nh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, bà và ông Nh không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Thanh Ng và ông Trịnh Văn Nh chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H vào ngày 24/12/2014. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà Ng yêu cầu ly hôn với ông Nh. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện B, Thành phố H nên căn cứ quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn số 68/2014, quyển số 01/2014 đăng ký ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H thể hiện hôn nhân giữa bà Ng và ông Nh là hợp pháp.

Tại Công văn số 423/UBND ngày 25/02/2022 Ủy ban nhân dân xã B cho biết không rõ nguyên nhân, mức độ phát sinh mâu thuẫn, hoàn cảnh gia đình của bà Lê Thị Thanh Ng và ông Trịnh Văn Nh.

Tại phiên tòa, bà Ng và ông Nh thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Tuy sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, mạnh ai nấy sống, mỗi lần nói chuyện thì gây gổ, cự cãi, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không có sự yêu thương chăm sóc nhau.

Bà Ng xác định không còn thương yêu ông Nh, không muốn trẻ Trịnh Lê Nhất A hàng ngày phải chứng kiến cảnh bà và ông Nh gây gổ, đánh nhau, ảnh hưởng đến tâm lý con nhỏ. Bà muốn ly hôn để ổn định cuộc sống, có tinh thần lo cho con. Trường hợp Tòa án không cho bà ly hôn thì bà vẫn cương quyết không đoàn tụ với ông Nh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để bà Ng và ông Nh hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhiều lần động viên, hòa giải nhưng bà Ng cương quyết ly hôn, không có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ, ông Nh cũng không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn với bà Ng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Ng và ông Nh là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà Ng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Ng và ông Nh xác định quá trình chung sống có một con chung là trẻ Trịnh Lê Nhất A (sinh ngày 05/4/2018).

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"3. *Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*".

Tại phiên tòa, bà Ng và ông Nh thừa nhận hiện nay trẻ Nhất A được bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nh cũng đồng ý giao con chung cho bà Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Do đó Hội đồng xét xử giao trẻ Nhất A cho bà Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Ng và ông Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Ng và ông Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Ng và ông Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh Ng đối với ông Trịnh Văn Nh.

Bà Lê Thị Thanh Ng được ly hôn với ông Trịnh Văn Nh. Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2014, quyển số 01/2014 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H ngày 24/12/2014 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trịnh Lê Nhất A (Giới tính: Nam, sinh ngày 05/4/2018) cho bà Lê Thị Thanh Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi trẻ A trưởng thành.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nh có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Ng và ông Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Ng và ông Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Lê Thị Thanh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0040290 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ng đã nộp đủ án phí.

Ông Trịnh Văn Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…)

Nguyễn Thị Ngọc Châu

